

Đề bài

Hãy phân tích
bài thơ

Qua đèo ngang
của Bà Huyện
Thanh Quan.

Bài làm 1

Cho đến giữa thế kỷ trước, trong tâm trí nhiều người, miền đất nước trải dài bên kia đèo Ngang vẫn là cái gì đó xa xôi và bí ẩn. Đó là vùng đất mới, là nước Đàng Trong qua hàng thế kỷ đã là nơi xuất phát của lửa khói binh đao và bao nhiêu câu chuyện huyền hoặc rùng rợn. Thế mà một ngày kia, cách đây hơn một trăm năm một người phụ nữ khuê các đã từ đất Thăng Long vượt nghìn dặm đường, qua Đèo Ngang, vào đến kinh đô Thuận Hóa để làm một chức quan, trên đỉnh Đèo Ngang, người phụ nữ ấy, Bà Huyện Thanh Quan, *tức cánh sinh tình* đã để lại cho văn chương Việt Nam một bài thơ bất hủ: *Qua Đèo Ngang*.

Bà Huyện Thanh Quan qua Đèo Ngang là đi qua một cửa quan, một cửa ải, là đi từ nước này sang nước khác, từ triều đại này sang triều đại khác. Cái không gian đã buồn mà thời gian thì càng nặng:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà

Câu phá đề không tả gì hết mà chỉ nhằm giới thiệu, chỉ nhằm tạo không khí. Người ta nói: Bước vào thơ bà Thanh Quan như bước vào một ngôi đền. Nếu thế câu này chính là cổng đền. Bước vào cổng, chưa thấy gì, chỉ thấy lạnh, một cái lạnh không rõ từ đâu ra, chỉ thấy đâu đó, khắp nơi. Mấy tiếng *bước tới Đèo Ngang* đã lạnh mà thấy chữ *bóng xế tà* càng lạnh hơn; không phải nắng, cũng không phải mặt trời, mà *bóng*, nghĩa chỉ là một ánh hào quang, một hình ảnh, một biểu tượng thôi chứ không phải là chính nó. Đã *xế* rồi lại còn *tà*. Đừng trách tác giả dùng hai từ *xế, tà* gần như không khác nhau lắm về lượng thông tin. Thơ của bà không phải thơ của người ngắm cảnh, tả cảnh, bà chỉ mượn cảnh để tả lòng, mượn cái bên ngoài để tả cái bên trong lúc nào cũng đầy ắp nỗi niềm tâm sự của bà. Dầu bà có đến Đèo Ngang vào lúc bình minh hay lúc đúng Ngọ thì bà cũng phải bằng cách nào đó mà làm thơ vào lúc *bóng xế tà*, bởi thân phận bà chỉ hợp với thời điểm ấy trong ngày, hay nói rõ hơn, tâm trạng bà cũng chính là cái thời điểm ấy, cái *bóng xế tà* ấy. Trong lời thơ của bà, không có buổi sáng, chỉ có buổi chiều. Từ cuối, là lúc sắp tàn, là cái đang hết, cái đang suy, đang mất dần sức sống. Hưởng chi cái âm *a*, cái thanh huyền kéo dài trong tiếng *tà* sao mà buồn bã băng khuâng.

Đến câu thơ thứ hai, Bà Huyện Thanh Quan mới bắt đầu tả Đèo Ngang bằng một cái nhìn khái quát:

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa

Trong bức tranh này, ta thấy có ba sự vật: cỏ cây (cỏ cây chỉ là một khái niệm chung, không phân biệt cỏ với cây), lá và hoa. Ba sự vật ấy ở trong trạng thái lẫn vào nhau, chen nhau mà tự phô bày. Ở đâu cũng thấy cỏ cây nhưng đồng thời cũng thấy cả đá núi, lại thấy cả hoa rừng. Đẹp đấy chứ, hùng vĩ đấy chứ, nên thơ đấy chứ! Nhưng sao mà hoang vu thế, trơ trọi, xô bồ thế, cái gì cũng *chen* cũng cố tình ngoi lên, vượt lên để tồn tại, không

phải sự hài hòa, sự hòa hợp để tạo nên vẻ đẹp. Thiên nhiên ở đây mà xa lạ, ngoài con người, chưa được con người biết đến. Đối lập với con người. Mà con người ở đây lại là một phụ nữ. Một phụ nữ quý tộc của một triều đại vàng son đã mất, giờ đang đi xa nhà, quá xa nhà, về cái miền man xa lác xa lơ, nơi mà trong ký ức gia đình còn giữ lại không ít câu chuyện về giặc giã, chinh phạt, biên ải, sơn lam, chướng khí, ma quái, oan hồn... Ta hãy hình dung tâm trạng người phụ nữ ấy, trước cái khung cảnh núi non ấy và trong cái thời điểm *bóng xế tà* ấy.

Trong thơ đường luật, hai câu đề vốn có chức năng *khai môn kiến sơn*. Trong bài thơ này, Bà Huyện Thanh Quan đã *mở cửa* cho ta thấy núi nhưng chủ yếu để ta thấy lòng bà thế đó.

Trong câu sau mới thật là cảnh:

*Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà*

Ở trên là cảnh thiên nhiên, bây giờ mới đến cảnh người ta. Ta nên nhớ rằng bài thơ được hình thành dần trong lúc đó. Nếu ở câu đầu chỉ mới *bước tới* Đèo Ngang, đèo còn chắn ngang trước mặt, thì sang hai câu thực, nhà thơ đã ở đỉnh đèo rồi. nhà thơ không nói đến cái khó nhọc của việc lên đèo, chỉ nói cảm xúc khi đứng ở đỉnh đèo. Từ đỉnh đèo này nhìn xuống sao mà buồn vơi vợi xa xôi, càng đậm thêm cái cảm giác cô đơn. Cuộc sống dưới kia sao mà nhỏ bé, khôn khổ, tội nghiệp! Vài người hái củi, mấy nóc nhà *tiêu vài chú, chợ mấy nhà*: đảo ngữ, nhấn mạnh ở ý niệm ít ỏi: *vài, mấy*, lại ở một phần xa xôi, xa thật là xa (*dưới núi, lại bên sông*). Bức tranh thì lớn, bởi được nhìn từ núi, nét thì nhỏ bé, thế mà những nét ấy lại được tả trong cái thế bị áp đảo bởi cái cao rộng của thiên nhiên: *vài chú tiêu* thì đang cúi người hái củi (*lom khom*: cúi xuống, cặm cùi, mê mải, cực khổ) mấy nóc nhà đã nhỏ lại cách biệt, trơ trọi (*lác đác*: đây đó mới có, giống như những chiếc lá, những cái vệt nhỏ). Những từ *lom khom, lác đác* được đặt ở đầu câu hỏi bởi vì đó là ấn tượng nổi bật, ấn tượng đầu tiên mà tác giả nhận ra từ những nét ấy của cảnh vật.

Thực sự cảnh Đèo Ngang trong mắt nhìn của Bà Huyện Thanh Quan chỉ có thế. Đó là bức tranh về một miền đất heo hút, xa phố thị, xa xóm làng sầm uất vốn được tổ chức nền nếp của làng quê truyền thống, càng xa lắm miền quê hương Thăng Long nghìn năm văn hiến. Đây là vùng đất khác, một cảnh vật khác, một cuộc sông khác so với những nơi bà đã sống, đã quen và đã âu yếm.

Từ cảnh ấy bài thơ đi đến những nỗi niềm trong hai câu luận là một điểm hết sức tự nhiên:

*Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*

Không hiểu lúc này có thực nhà thơ đã nghe tiếng chim cuốc và chim gia gia kêu hay không? Nhưng nếu không có trong thực tế thì những con chim ấy cũng đã kêu thực trong tâm tưởng của bà. Bởi vì những tiếng kêu ấy chính là những tiếng kêu của bà. (Thương nhà) thì hẳn là đúng rồi. Ở đây là quê hương vời vợi nghìn trùng, liệu có ngày nào còn thấy lại? Cảnh ấy, lòng ấy làm sao không thương nhà cho được? Nhưng còn *nhớ nước*? Thời Bà Huyện Thanh Quan, vào kinh, trong tâm lý người Việt Nam vẫn còn tồn tại giai đẳng hai miền đất nước: Đàng ngoài như một Quốc gia lâu đời, có văn hiến, có nền nếp, với truyền thống, với Thăng Long như một ngọn đèn tỏa sáng bốn phương, và đàng trong như một miền mới khai phá, tự hàng trăm năm những thời các vua Chiêm Thành đến các thế hệ Chúa Nguyễn, luôn luôn là biểu tượng đáng sợ của một cái gì thù địch, của chiến tranh xâm lấn liên miên. Hai miền đất ấy thực sự là hai nước mà ẩn tượng về nó, cuộc đại thắng của Nguyễn Huệ hay sự thống nhất của Nguyễn Ánh vẫn chưa thể phá được. Nhà thơ đến Đèo Ngang, là đã đặt những bước đầu tiên lên một vùng nước lạ. Trong cái phút ấy, lại giữa chốn thâm u ấy, trong cái bóng tà dương tịch mịch ấy, làm sao Bà Huyện Thanh Quan lại không cảm thấy nhớ về nước cũ? Huống chi trong nỗi nhớ nước này còn có nỗi nhớ một nước đã mất, một triều đại đã thành dĩ vãng, nước của các triều vua Lê huy hoàng mà mỗi hồ nước, mỗi con đường, mỗi cái tháp, mỗi tên đất... còn gọi lên ở người Thăng Long biết bao hoài niệm.

Ngắm cảnh rồi, nhớ nước thương nhà rồi, giờ là lúc nghĩ đến mình:

Dừng chân đứng lại trời non nước

Một mảnh tình riêng ta với ta

Mấy tiếng *Dừng chân đứng lại* thì dở thật, đã *dừng chân* còn *đứng lại*, mà việc gì mà phải *dừng chân* hay không *dừng chân*. Hình như nhà thơ nói thế là để cốt cho đủ chữ mà đi đến hai cụm từ này *trời non nước* và *ta với ta* để khiến cho chúng được đối diện với nhau. Một bên là cái bao la vô cùng gồm ba cái vô cùng hợp lại: trời bao la, biển bát ngát, núi điệp trùng. Một bên là cái cô độc được nhân lên *ta với ta*, cũng là kết hợp đây nhưng là sự kết hợp để xoáy sâu vào cô độc. *Ta với ta* thì thật là độc đáo và tài hoa. Nghĩa là hoàn toàn là cô độc, tưởng như đong thành khối, sờ thấy được, sự cô độc đến trắng sợ. Độc mấy tiếng *ta với ta* nghe lạnh cả người.

Bài *Qua Đèo Ngang* viết theo thể đường luật hết sức chặt chẽ. Âm vận, cả những chỗ *nhất tam ngũ bất luận* cũng hoàn toàn được giữ vững. Chữ nghĩa đối chọi thì không chệ vào đâu được, nghiêm ngặt đến lạnh lùng! Nhà thơ hình như không bao giờ cười. Bài thơ giống như một ngôi đèn cổ mà đường nét nào cũng cổ kính uyên thâm, vững chắc, hoành phi, câu đối chỗ nào ra chỗ ấy, lạng lẽ uy nghi đến muôn đời. Trong bài thơ có vài nét cảnh nhưng không sắc màu, không âm thanh, chỉ có lòng người.

Thường thì trong thơ Bà Huyện Thanh Quan câu nào cũng phải có một cặp từ Hán Việt. Chính những từ Hán Việt ấy tạo cho thơ của bà có vẻ cổ kính đặc biệt. Riêng trong bài thơ *Qua Đèo Ngang* này lại không hề có một

từ thực sự Hán Việt nào. Thế mà bài thơ vẫn cổ kính bởi vì tâm sự hoài cổ toát ra ngay trong cách nhìn của tác giả. Mỗi từ bà dùng đều rất êm ái, rất bình lặng, không hề tạo nên một chút sôi động nào.

Bài làm 2

Bà Huyện Thanh Quan là một thi sĩ nổi tiếng của nền văn học Việt Nam vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Bà sáng tác không nhiều nhưng hầu hết các tác phẩm của bà đều có giá trị lớn. Ai đã từng đọc thơ của bà đều không thể quên được vẻ dịu dàng, trang trọng với nỗi buồn kín đáo, sâu ẩn trong từng câu từng chữ của nữ sĩ này, bài thơ *Qua Đèo Ngang* là minh chứng cho điều đó:

*Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta*

Mở đầu bài thơ là không gian hoang vu tĩnh mịch của cảnh Đèo Ngang lúc chiều về:

*Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa*

Bà Huyện Thanh Quan bước tới Đèo Ngang khi *bóng xế tà*, một ngày bắt đầu lụi tắt. Cảnh vật không còn mang hơi ấm rực rỡ của ba ngày mà chỉ còn sót lại vài tia nắng vàng vọt, yếu ớt. *Bóng xế tà* gợi lên trong lòng người đọc một nỗi buồn man mác, băng khuâng. Âm điệu của từ *tà* hạ xuống, kéo dài âm điệu mệnh mang của nốt nhạc trầm buồn, sâu lắng. Cái *bóng xế tà* của Bà Huyện Thanh Quan làm ta nhớ đến buổi chiều buồn buồn trong ca dao xưa:

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều*

Những tình cảm thiêng liêng của con người có thể gặp nhau ở một điểm. Đó là thời gian. Thời gian dễ gợi trong lòng người bao nỗi cô đơn buồn bã chính là khoảnh khắc hoàng hôn về chiều. Bà Huyện Thanh Quan ngắm khung cảnh Hoàng Sơn với đôi mắt buồn ngán lệ và cảnh vật càng vắng lặng hơn khi điệp từ *chen* ở câu hai xuất hiện. Từ *chen* cho ta hình dung thấy thiên nhiên nơi Đèo Ngang không phải là *hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng* mà thiên nhiên ở đây um tùm, rậm rạp. Hoa, lá, đá chen chúc nhau, xô đẩy nhau để cố vươn lên đón những ánh sáng cuối ngày. Lời thơ nhẹ nhàng, trang trọng. Bà Huyện Thanh Quan vẽ nên bức tranh Đèo Ngang

hoang vu, vắng lặng sao mà buồn đến thế! Tâm hồn buồn bã cô đơn, Bà Huyện Thanh Quan ngắm cảnh để vui đi nỗi buồn, thế nhưng càng ngắm càng buồn, phải chăng đó là bởi:

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ...

(*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

Nỗi buồn của Bà Huyện Thanh Quan như lan tỏa, thấm vào vạn vật. Và rời từ đỉnh Đèo Ngang, nữ sĩ phóng tầm mắt về phía xa để tìm chút sự sống; xa xa dưới chân núi thấp thoáng bóng người:

Lom khom dưới núi tiêu vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà

Con người nơi đây sao mà nghèo khổ lam lũ đến vậy! Những từ láy gợi hình *lác đác, lom khom* đứng ở đầu câu càng làm cho cảnh vật trở nên thưa thớt, vắng lặng. Con người hiện lên cái ngút ngàn mênh mông của thiên nhiên không làm cho cảnh chiều tươi vui, nhộn nhịp mà càng làm cho bức tranh thiên nhiên vắng lặng, quạnh hiu hơn. Cảnh đấy, thời gian ấy hòa vào tâm trạng của nhà thơ khiến cho nỗi buồn của bà như tăng lên gấp bội và càng xoáy sâu vào tâm hồn nữ sĩ Bà Huyện Thanh Quan khi vắng vắng bên tai tiếng chim cuốc cuốc, chim gia gia khắc khoải lúc hoàng hôn đang từ từ buông xuống:

Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Câu thơ sao mà tha thiết, khắc khoải đến thế! Các từ ghép *đau lòng, mỏi miệng* càng làm cho lòng ta ray rứt, băng khuâng. Tiếng chim gia gia da diết hay đó chính là nỗi nhớ nhung tha thiết của Bà Huyện Thanh Quan khi phải rời gia đình, quê hương, vượt nghìn trùng vào kinh đô Huế nhận chức *Cung trung giáo tập*. Một con người đa sầu đa cảm như bà thì thử hỏi làm sao không nhớ không thương quê hương cho được! Còn tiếng chim cuốc cuốc *nhớ nước đau lòng* khắc khoải? Phải chăng đó là tâm sự sâu kín nhất của nhà thơ? Sống trong cảnh đất nước mà nhà Nguyễn cai trị, nước những bạc nhược hung tàn của vua chúa, Bà Huyện Thanh Quan luôn hoài niệm về quá khứ vàng son. Bà sống lại những kỷ niệm thời dĩ vãng để rồi nhớ, rồi đau. Nỗi đau ấy càng thấm thía, xót xa như Tú Xương đã từng viết:

Đêm nghe tiếng ếch bên tai

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi ò

(*Sông Lấp*)

Tiếng chim cuốc, chim gia gia bụi ngùi, khắc khoải trong buổi chiều âm đạm hay vang lên trong tâm tưởng nhà thơ? Thiên nhiên bao la đã gợi nên trong thi sĩ bao suy tưởng lớn lao và bây giờ đây thiên nhiên lại kéo bà về với hiện thực, với bản thân mình, một mình cô lẻ:

Dừng chân đứng lại trời non nước

Một mảnh tình riêng ta với ta

Trời rộng non cao, nước mênh mông, ta nghe như trong đó có tiếng kêu sững lại của tác giả trước cảnh thiên nhiên bao la, ngút ngàn. Câu thơ với hai hình ảnh đối lập *trời non nước* và *ta với ta* càng gợi cho ta sự cô đơn, lẻ loi của Bà Huyện Thanh Quan. Cụm từ *ta với ta* không mang nỗi vui sướng hân hoan, thắm thiết như của Nguyễn Khuyến mà lại trầm buồn, đơn lẻ. Không chỉ *ta với ta* mà còn *mảnh tình riêng* cho nước, cho nhà. Đọc câu thơ ta không thể không nghẹn ngào mũi lòng trước sự cô đơn trống vắng của nữ sĩ Huyện Thanh Quan. Thân nữ nhi yếu đuối, bà phải xa nhà xa quê hương và giờ đây lại ôm trọn trong lòng nỗi buồn man mác ấy như có hình khối, cụm từ *ta với ta* không đọc. Giữa trời đất mênh mông tác giả thấy mình bỗng dung nhỏ lại, chơi vơi trong vũ trụ bao la. *Đi trong nước mà còn tìm nước* đó phải chăng là nỗi đau đớn, xót xa nhất trong đời của người nữ sĩ Huyện Thanh Quan?

Nghệ thuật ước lệ tượng trưng, trang nhã thanh tao, lối tả cảnh ngụ tình điêu luyện hòa với lời thơ nhẹ nhàng, sâu lắng, xao xuyên, băng khuâng, cảnh Đèo Ngang nên thơ, trầm buồn hay đó là bức tranh độc đáo không những bộc bạch tâm hồn tác giả mà còn thể hiện bút pháp tài tình, trang nhã của người nữ sĩ tài năng. Mãi mãi và mãi mãi chúng ta, thế hệ mai sau có dịp đi qua Đèo Ngang thì không thể nào quên được bài thơ và hình bóng người nữ sĩ lộng lộng trên đỉnh đèo cao với vợi ấy của nghệ thuật.

Hà Xuân Hương